

## **BÁO CÁO**

### **Tổng kết Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện UNCAC**

Thực hiện Kế hoạch số 498/KH-UBND ngày 30/01/2021 của UBND tỉnh về tổng kết Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện UCAC.

Sở Tài chính báo cáo các nội dung như sau:

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý Nhà nước về tài chính; ngân sách Nhà nước; thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách Nhà nước; tài sản Nhà nước; các quỹ tài chính Nhà nước; đầu tư tài chính; tài chính doanh nghiệp; kế toán; kiểm toán độc lập; lĩnh vực giá và các hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Công tác phòng chống tham nhũng được Lãnh đạo Sở xác định là nội dung quan trọng trong hoạt động của cơ quan. Do đó Luật Phòng chống tham nhũng và các văn bản chỉ đạo của cấp trên về phòng, chống tham nhũng được luôn lãnh đạo sở quan tâm thực hiện tốt.

#### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CLQG VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN UNCAC**

1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phòng, chống tham nhũng, Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020, Chương trình hành động của Chính phủ về phòng, chống tham nhũng, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng

Nhận thức của cơ quan cán bộ, đảng viên và người lao động về công tác PCTN; tính tiên phong, gương mẫu của tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ, công chức trong PCTN: Thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước kết hợp đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII được nhanh chóng, kịp thời nên nhận thức của cán bộ, công chức trong Sở Tài chính về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực thi pháp luật dần dần được nâng lên; ý thức, trách nhiệm trong công việc; tính tiên phong, gương mẫu của Đảng viên, cán bộ, công chức từng bước được cải thiện hơn thông qua những việc làm cụ thể hàng ngày gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan và góp phần quan trọng vào sự ổn định nhiệm vụ chính trị tại địa phương nói chung, tại Sở Tài chính nói riêng.

Việc phổ biến, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020, chương trình hành động của Chính phủ về

PCTN, Công ước Liên hợp quốc về phòng chống tham nhũng: Nhằm phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức một cách thiết thực, hiệu quả các văn bản của cấp trên, Sở Tài chính đã xây dựng và ban hành 17 văn bản triển khai cụ thể như sau: Kế hoạch số 3521/KH-STC ngày 2/10/2009 về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 12/5/2009 của Chính phủ Ban hành chiến lược Quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020; Kế hoạch số 702/KH-STC ngày 5/4/2010 về Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng năm 2010; Kế hoạch số 79/KH-STC ngày 12/1/2011 về Triển khai thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng và Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đơn vị, bộ phận thuộc Sở Tài chính giai đoạn 2011-2015; Kế hoạch số 534/KH-STC ngày 9/3/2011 về Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng năm 2011; Kế hoạch số 255/KH-STC ngày 8/2/2012 về Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng năm 2012; Kế hoạch số 1547/KH-STC ngày 30/5/2013 về Triển khai thực hiện Nghị Quyết số 82/NQ-CP ngày 06/12/2012 của Chính phủ tại Sở Tài chính; Kế hoạch số 519/KH-STC ngày 26/2/2015 về Công tác phòng, chống tham nhũng năm 2015; Kế hoạch số 3070/KH-STC ngày 30/10/2015 về Công tác phòng, chống tham nhũng năm 2016; Kế hoạch số 3349/KH-STC ngày 30/11/2016 về Công tác phòng, chống tham nhũng năm 2017; Kế hoạch số 2070/KH-STC ngày 3/8/2017 về Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí đến năm 2020; Kế hoạch số 2996/KH-STC ngày 6/11/2017 về Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng năm 2018; Kế hoạch số 830/KH-STC ngày 9/4/2018 về Chương trình hành động thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng đến năm 2020; Kế hoạch số 538/KH-STC ngày 4/3/2019 về Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng năm 2019; Kế hoạch số 708/KH-STC ngày 18/3/2019 về Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng năm 2019; Kế hoạch số 1946/KH-STC ngày 19/7/2019 về Thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Kế hoạch số 1213/KH-STC ngày 8/5/2019 về Thực hiện chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Kế hoạch số 1014/KH-STC ngày 14/4/2020 về Công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020.

Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN; hiệu quả và chất lượng thực hiện: Trên cơ sở hướng dẫn và sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh trong công tác PCTN. Hàng năm, Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 488/KH-STC ngày 26/2/2016 về Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2016; Kế hoạch số 2788/KH-STC ngày 15/10/2019 về Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019-2021; Kế hoạch số 257/KH-STC ngày 12/2/2020 về Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2020 và tiến hành triển khai các đợt tuyên truyền pháp luật nói chung và phòng chống tham nhũng nói riêng đến toàn thể cán bộ, công chức trong cơ quan thông qua các đợt tuyên truyền vào ngày thứ 2 đầu tháng với 65 đợt tuyên truyền tương ứng 2806 lượt người. Công tác tuyên truyền giúp

nâng cao nhận thức dân tiến tới ý thức trong hành vi, tự giác chấp hành pháp luật, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong quản lý, điều hành, góp phần phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan. Trong giai đoạn báo cáo không có tham nhũng xảy ra tại Sở Tài chính.

Tình hình, kết quả và đánh giá việc tuyên truyền, phổ biến Chiến lược quốc gia PCTN, pháp luật về PCTN và Công ước Liên hiệp quốc về phòng chống tham nhũng: Sở Tài chính luôn xác định phòng chống tham nhũng là nhiệm vụ hàng đầu, thường xuyên, cấp bách, trong đó công tác tuyên truyền, phổ biến được xem là yếu tố chủ đạo. Trong thời gian qua, Lãnh đạo Sở đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước nói chung, lĩnh vực phòng chống tham nhũng nói riêng. Đồng thời, gắn tuyên truyền phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, XII, Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 về xây dựng, chỉnh đốn Đảng đến toàn thể cán bộ, công chức trong Sở bằng nhiều hình thức phù hợp với đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn của Sở Tài chính, nhất là trong tình hình dịch covid diễn biến phức tạp như hiện nay thì hình thức gửi văn bản cần tuyên truyền qua trang thông tin nội bộ của Sở vẫn mang lại hiệu quả thiết thực nhất định, góp phần không nhỏ trong công tác PCTN.

Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém:

- Bên cạnh những kết quả đạt được của công tác tuyên truyền như đã nói ở trên thì công tác này vẫn còn một số mặt hạn chế nhất định, dẫn đến chất lượng công tác này chưa cao, chưa tạo được sự chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, công chức như:

+ Nội dung tuyên truyền, phổ biến pháp luật chưa được toàn diện, sâu kỹ do chưa có đề cương biên soạn của cơ quan chuyên môn;

+ Hình thức tuyên truyền chủ yếu là tuyên truyền miệng và thông qua mạng nội bộ cơ quan Sở.

- Nguyên nhân của những hạn chế trên, xuất phát từ:

+ Người làm công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật của Sở còn kiêm nhiệm, không được qua các lớp đào tạo về nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức về pháp luật nên chất lượng, hiệu quả chưa cao.

+ Thời gian dành cho công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật còn ít.

2. Việc thực hiện các nhóm giải pháp

2.1 Tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật

Hoàn thiện và thực hiện công khai minh mạch các quy định về quản lý kinh tế - xã hội phục vụ công tác PCTN trong các hoạt động

- Công tác cải cách hành chính: Sở Tài chính thực hiện niêm yết các thủ tục hành chính của Sở tại bảng thông báo công khai các thủ tục hành chính và trên trang web của cơ quan; Đồng thời, cập nhật đầy đủ thủ tục hành chính lên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và phần mềm xử lý hồ sơ một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, giúp cho cá nhân, tổ chức có thể tra cứu, tìm hiểu thông tin được dễ dàng, tiện lợi và việc giải quyết các thủ tục hành chính được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả, công khai, minh bạch. Thường xuyên rà soát, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tài chính hết hiệu lực theo quyết định công bố của Bộ Tài chính nhằm phát hiện các văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đề kịp thời tham mưu đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới, góp phần nâng cao chất lượng của hệ thống pháp luật; trong đó, đã rà soát 78 văn bản quy phạm pháp luật (44 văn bản ban hành mới; 12 văn bản sửa đổi, bổ sung; 22 văn bản bãi bỏ) về chế độ, định mức, tiêu chuẩn áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh và không có văn bản vi phạm nội dung hay áp dụng không khả thi.

- Công tác quản lý tài chính, tài sản, mua sắm công: Sở Tài chính thực hiện theo đúng quy định tại Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008, Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Luật ngân sách nhà nước năm 2002 và 2015; các văn bản có liên quan khác và triển khai trên địa bàn toàn tỉnh. Hiện nay, tại Sở Tài chính thực hiện chủ yếu theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 16/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; công khai công tác quản lý tài sản; Quy chế chi tiêu nội bộ đã ban hành hàng năm.

- Quản lý vốn, tài sản nhà nước trong doanh nghiệp có vốn nhà nước: Hàng năm, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính đối với doanh nghiệp có vốn góp nhà nước giám sát 6 tháng và năm theo quy định của Chính phủ và Bộ Tài chính. Về bố trí nhân sự, đánh giá, phân loại, khen thưởng, kỷ luật cho người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Công khai, minh bạch các quyết định trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố xét xử và thi hành án: Hàng năm, trên cơ sở thống nhất với Thanh tra tỉnh tránh chồng chéo trong Thanh tra, Sở Tài chính đã ban hành các Kế hoạch thanh tra cho năm tiếp theo. Công tác công khai trong hoạt động thanh tra được đảm bảo theo đúng quy định tại Luật thanh tra; Luật phòng chống tham nhũng; Điều 6 Thông tư 05/2011/TT-TTCT ngày 10/01/2011 của Thanh tra Chính phủ Quy định về phòng, chống tham nhũng trong ngành thanh tra; Quyết định số 588/2004/QĐ-BCA(A11)

của Bộ trưởng Bộ Công an về danh mục bí mật nhà nước độ mật trong ngành thanh tra; Thông tư 08/2015/TT-BCA/TT-BCA ngày 27/01/2015 của Bộ Công An Quy định danh mục bí mật nhà nước thuộc độ mật trong ngành Thanh tra, các văn bản có liên quan khác. Qua thanh tra, giúp các đơn vị được thanh tra chấn chỉnh, khắc phục kịp thời các sai phạm xảy ra, ngăn ngừa tình trạng sai sót diễn ra trong những năm tiếp theo, nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Trong giai đoạn báo cáo, Sở Tài chính đã tiến hành thanh tra 80 đơn vị, kiến nghị thu hồi nộp NSNN số tiền 5.380.670.204 đồng (trong đó, sai phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ là 3.675.529.108 đồng, chiếm tổng số 64/80 đơn vị được thanh tra), kiểm điểm rút kinh nghiệm 75 trường hợp (19 tập thể, 56 cá nhân), xử lý kỷ luật hình thức khiển trách 03 trường hợp (01 tập thể, 02 cá nhân)

Các giải pháp đổi mới công nghệ quản lý và hạn chế tiêu dùng tiền mặt: Hàng năm, Sở Tài chính đều ban hành Kế hoạch cải cách hành chính, áp dụng quy trình ISO vào công tác quản lý; cải tiến, ứng dụng văn phòng điện tử trong quản lý tại Sở Tài chính, tăng cường thực hiện việc gửi báo cáo, thông tin nội bộ qua mạng và hoàn thiện trang Web của Sở, triển khai hệ thống Tabmis trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính góp phần nâng cao tính kịp thời, an toàn thông tin. Sở Tài chính thực hiện quản lý thu chi tiền mặt qua hệ thống kho bạc nhà nước và 100% cán bộ, công chức và người lao động trong Sở Tài chính thực hiện tốt chuyển lương và hầu hết các khoản thu nhập khác qua thẻ ATM.

Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém: Không có.

## *2.2 Hoàn thiện chế độ công vụ, công chức, nâng cao chất lượng thực thi công vụ*

Thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng; quy định cụ thể, rành mạch chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cấp quản lý, khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống trong hoạt động quản lý: Sở Tài chính thực hiện phân công nhiệm vụ theo chức năng nhiệm vụ của từng tổ chức, cá nhân theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 196/2009/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận; Quyết định 31/2016/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận; Quyết định 52/2018/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận; cụ thể Giám đốc sở ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc và các phòng chức năng thuộc sở. Tại các Quyết định: phân công nhiệm vụ cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn không bỏ sót hoặc chồng chéo nhiệm vụ giữa các phòng.

Hoàn thiện và thực hiện các quy định về tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; xử lý kiên quyết, kịp thời các vi phạm trong quản lý và sử dụng cán bộ, công chức: Sở Tài chính thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 185/2004/QĐ-UB ngày 15/11/2004 của UBND tỉnh

Ninh Thuận về việc ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và UBND huyện, thành phố và các văn bản liên quan khác.

Đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; tăng cường giáo dục liêm chính, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng: Hàng năm xây dựng Kế hoạch đào tạo theo nhu cầu thực tiễn của cơ quan, đảm bảo phù hợp với vị trí việc làm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; trên cơ sở đó cử công chức gia các lớp lý luận chính trị; quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, thanh tra viên; chuyên viên chính, thanh tra viên chính; bồi dưỡng an ninh, quốc phòng; các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tiếp công dân; trường đoàn thanh tra ... Qua đó trình độ chính trị, quản lý, chuyên môn nghiệp vụ của công chức ngày càng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu trong tình hình mới; đặc biệt là giáo dục được sự liêm chính giúp ngăn ngừa, phát hiện xử lý tham nhũng.

Thực hiện cơ chế về trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; cơ chế miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho từ chức, tạm đình chỉ chức vụ của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức đơn vị mình quản lý, phụ trách: Trong giai đoạn báo cáo, không có những tại Sở Tài chính nên không phát sinh nội dung này.

Thực hiện chính sách tiền lương hợp lý trong một số lĩnh vực đặc thù; chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức: Thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm tại Sở Tài chính. Ngoài các khoản chi lương và chi các khoản khác cho CBCC và người lao động theo quy định, Kinh phí còn lại sau khi tiết kiệm được bổ sung thu nhập tăng thêm cho công chức và người lao động, chi khen thưởng, chi phúc lợi tập thể.

Việc thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn và công khai việc thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn sử dụng tài sản công của cán bộ, công chức, trước hết là của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị: Nhằm đảm bảo công tác điều hành tại Sở Tài chính được công khai, dân chủ, đúng quy định về các chế độ, tiêu chuẩn, định mức. Hàng năm, Giám đốc Sở đã ban hành các quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công của Sở Tài chính. Đồng thời, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 78 văn bản quy phạm pháp luật quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (trong đó có 09 văn bản thuộc lĩnh vực tài sản công) triển khai trên địa bàn tỉnh; xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP để đưa vào quản lý, xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định. Qua sắp xếp, UBND tỉnh đã có Quyết định thanh lý 47 xe ô tô dôi dư do không có tiêu chuẩn định mức sử dụng và xe ô tô hư hỏng không còn sử dụng được. Việc thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn sử dụng tài sản công của các đơn vị

dự toán trên địa bàn tỉnh trong đời nghiêm túc. Tuy nhiên, qua kiểm tra, thanh tra phát hiện Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh chưa chấp hành đúng các quy định của nhà nước trong quản lý, sử dụng tài sản công được quy định tại Luật quản lý tài sản công; Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước; Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản có liên quan khác; đã kiến nghị xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện các quy định về minh bạch về tài sản thu nhập; việc chi trả qua tài khoản đối với tất cả các khoản chi từ ngân sách nhà nước cho cán bộ, công chức: Sở Tài chính đã triển khai thực hiện tốt Quyết định số 85/2008/QĐ-TTg ngày 03/7/2008 Về việc ban hành Danh mục người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại khoản 11 Điều 6 Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập và Nghị định số 68/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 9/3/2007 về minh bạch tài sản, thu nhập; Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/3/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 13/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản thu nhập đến các đối tượng phải kê khai trong Sở theo đúng quy định. Việc chi trả qua tài khoản đối với tất cả các khoản chi từ ngân sách nhà nước cho cán bộ, công chức được thực hiện thông qua Ngân hàng ở hầu hết tất cả các khoản thu nhập theo đúng quy định.

Việc thực hiện các quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức và tăng cường giám sát việc thực hiện theo quy định của pháp luật; chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng:

- Triển khai thực hiện tốt Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước, Sở Tài chính đã ban hành Quyết định số 66/QĐ-STC ngày 14/7/2015 về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức và người lao động Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận. Trong thực hiện nhiệm vụ cán bộ, công chức Sở Tài chính luôn tuân thủ đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, không ngừng học tập, tu dưỡng và rèn luyện để nâng cao năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ứng xử có văn hóa để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm cán bộ, công chức có thái độ hách dịch, nhũng nhẽo, gây khó khăn, phiền hà, thái độ cửa quyền, hách dịch đối với người dân và Doanh nghiệp. Công tác kỷ luật, kỷ cương hành chính được Lãnh đạo Sở quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện tốt; tổ chức cho cán bộ, công chức ký cam kết không uống rượu bia trong giờ làm việc, giờ nghỉ trưa của ngày làm việc và ngày trực theo Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 và Chỉ thị số 17 /CT-UBND ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh; chấp hành tốt thời gian làm việc theo quy định. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được công chức thực hiện nghiêm túc, thường xuyên, định kỳ; ban hành Quy chế tiếp công dân tại Sở Tài chính tại Quyết định số 63/QĐ-STC ngày 10/5/2013 và 04/QĐ-STC ngày 04/01/2018; Bố trí lịch để Lãnh đạo Sở tiếp công dân theo quy định tại Quyết định số 82/QĐ-STC ngày 11/7/2013 và 06/QĐ-STC ngày 05/01/2018 về ban hành nội quy tiếp công dân tại Sở Tài chính; Từ ngày 01/6/2009 đến nay, không có

tố cáo, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về hành vi trái pháp luật của cán bộ, công chức đến mức phải xử lý kỷ luật.

- Công tác chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức được thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định 158/2017/NĐ-CP ngày 27/10/2017 của Chính phủ quy định danh mục vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2007/NĐ-CP; Chỉ thị số 09/2014/CT-UBND ngày 29/4/2014 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, tổng số cán bộ, công chức được luân chuyển và chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng là 30 người.

### *2.3 Hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế, xây dựng môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng, công bằng, minh bạch*

Hoàn thiện cơ chế, chính sách về hải quan, tín dụng, xuất nhập khẩu và một số lĩnh vực khác nhằm đảm bảo tính minh bạch, công bằng và cạnh tranh giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế: Không phát sinh.

Việc hoàn thiện cơ chế để doanh nghiệp hạch toán chính xác, trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và được phản ánh đồng thời trong cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế; thực hiện chế độ kiểm toán định kỳ, bắt buộc đối với mọi hình doanh nghiệp: Hiện nay, các doanh nghiệp đang áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; Về kiểm toán đối với các loại hình doanh nghiệp, do doanh nghiệp tự thuê kiểm toán độc lập.

Việc xử lý hành vi hối lộ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, trong việc tham gia đấu thầu, đấu giá; xử lý nghiêm hành vi gian lận thương mại; công bố công khai danh tính các cơ quan, tổ chức cá nhân có vi phạm: Không phát sinh.

Xây dựng, hoàn thiện cơ chế quản lý, sử dụng đất đai, các nguồn lực công, bảo đảm công khai, minh bạch và xử lý nghiêm những sai phạm; việc hoạt động của các trung tâm đấu thầu theo khu vực để thực hiện mua sắm công tập trung; thực hiện cơ chế đấu giá công khai khi bán, thanh lý, giao, cho thuê tài sản công: Trên cơ sở Luật quản lý tài sản công, Luật đấu thầu và các văn bản liên quan khác. Hàng năm, Sở triển khai áp dụng hình thức mua sắm đấu thầu rộng rãi qua mạng để đảm bảo tính công khai, minh bạch và đúng quy định trong mua sắm tài sản tập trung.

Tổng kết thực tiễn, hoàn thiện pháp luật về chuyển đổi và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt chú trọng việc xác định giá trị tài sản doanh nghiệp và xử lý tài sản công trong quá trình thực hiện cổ phần hóa: Năm 2013, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh báo cáo tổng kết việc chuyển đổi và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, cụ thể như sau:

- Việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đã hoàn thành từ trước tháng 12/2008 nhanh hơn 02 năm so với phương án đã phê duyệt. Tổng số doanh nghiệp nhà nước đã thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa là 23 công ty. Tỉnh đã bàn giao cho Tổng



Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) là 21 công ty. Riêng đối với Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận và Công ty cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Phát triển Việt Ninh (nay là Công ty cổ phần công trình đô thị), Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Công văn số 801/UBND-TH ngày 29/2/2012 đề nghị SCIC tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại 02 Công ty này nhưng không nhận được phản hồi từ phía SCIC. Hiện nay 02 công ty này do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

- Chuyển 04 Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty TNHH 1 thành viên. Các Doanh nghiệp nhà nước sau khi đã chuyển sang công ty TNHH một thành viên hoạt động có hiệu quả hơn, có nhiều chuyên biến tích cực, dần dần thích nghi với cơ chế thị trường, kinh doanh có lãi và thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách, tạo thu nhập ổn định cho người lao động.

- Hiệu quả hoạt động sắp xếp, cổ phần hóa DNNN: Việc lựa chọn doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa đúng theo quy định của Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước. Quá trình xử lý tài chính, xác định giá trị doanh nghiệp đúng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính theo từng thời điểm, bán đấu giá cổ phần lần đầu thực hiện công khai minh bạch, đúng trình tự thủ tục do tổ chức tài chính Trung ương giao, phối hợp cùng Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp tổ chức thực hiện kết quả đấu giá cao hơn giá sàn được duyệt. Sau cổ phần hóa các công ty hoạt động có hiệu quả hơn như kinh doanh có lãi, chia cổ tức cho cổ đông, thu nhập người lao động ổn định và tăng lên, nộp ngân sách ngày càng tăng, các công ty cổ phần quan tâm đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

Hoàn thiện pháp luật về tài chính, ngân hàng, về thị trường vốn, thị trường bất động sản, thị trường lao động; nghiên cứu hoàn thiện quy định về thuế tài sản và việc bắt buộc đăng ký bất động sản; thực hiện việc đăng ký thuế thu nhập cá nhân và thanh toán qua tài khoản, xây dựng: Không phát sinh

*2.4 Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử trong phát hiện, xử lý tham nhũng*

*a. Hoạt động giám sát công tác phòng, chống tham nhũng; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng*

Tình hình và kết quả hoạt động giám sát và hình thức giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong công tác PCTN: Không phát sinh nội dung này tại Sở Tài chính.

Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác giám sát công tác PCTN, thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém: Không phát sinh nội dung này tại Sở Tài chính.

*b. Việc phát hiện, xử lý tham nhũng*

Kết quả phát hiện tham nhũng qua công tác tự kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra, truy tố, xét xử: Không phát sinh.

Kết quả xử lý hành vi tham nhũng: Không phát sinh.

Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách, pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác phát hiện và xử lý tham nhũng; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém: Không có.

*c. Công tác thu hồi tài sản tham nhũng.*

Tình hình thiệt hại do tham nhũng gây ra: Không phát sinh.

Kết quả thu hồi tài sản và khắc phục thiệt hại do tham nhũng: Không phát sinh.

Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong công tác thu hồi tài sản tham nhũng; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém: Không phát sinh.

*d. Mô hình tổ chức các cơ quan phòng, chống tham nhũng và sự phối hợp công tác giữa các cơ quan phòng, chống tham nhũng*

Việc tổ chức, bố trí cán bộ chuyên trách, phân định trách nhiệm trong các cơ quan chức năng phòng, chống tham nhũng; việc xây dựng, kiện toàn đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng trong cơ quan và Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng trong cơ quan theo Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-TTCP-BNV; việc thực hiện chế độ, chính sách, đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác PCTN: Nhằm thuận tiện cho công tác tổng hợp báo cáo định kỳ công tác phòng, chống tham nhũng của Sở Tài chính. Giám đốc Sở Tài chính đã bố trí 01 công chức là thanh tra viên thực hiện nhiệm vụ này.

Công tác phối hợp của các cơ quan thanh tra, điều tra, viện kiểm sát, toà án và các cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan trong PCTN: Công tác phối hợp PCTN được thực hiện theo Quy chế số 370/QC-2018 ngày 31/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V/v Phối hợp liên ngành trong công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố và các văn bản có liên quan khác. Tuy nhiên, trong giai đoạn báo cáo Sở Tài chính không phát hiện vụ việc phải chuyển cơ quan điều tra theo đúng tinh thần tại Quy chế trên.

Đánh giá hiệu quả của mô hình tổ chức PCTN hiện nay, chất lượng, hiệu quả của đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN: Tại Sở Tài chính không xây dựng mô hình tổ chức PCTN. Qua tổng kết có thể thấy rằng hiệu quả của mô hình tổ chức PCTN hiện nay nhìn chung cũng được đánh giá cao, góp phần hạn chế những nhiễu, gây phiền hà khi thực thi công vụ; tuy nhiên vẫn chưa thực sự hiệu quả do một vài trường hợp còn có sự phụ thuộc giữa bộ máy quyền lực (đối tượng chủ yếu của tham nhũng) và bộ máy phòng, chống tham nhũng, đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự bao che, né nang, né tránh; mặt khác, chất lượng của đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN chưa được đào tạo chuyên sâu nghiệp vụ về tham nhũng (nhất là nghiệp vụ phát hiện tham nhũng) kéo theo hiệu quả của phát hiện tham nhũng tại cơ quan chưa cao.

Đánh giá những bất cập, vướng mắc của cơ chế, chính sách pháp luật và những hạn chế, yếu kém trong việc kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan chức năng PCTN, trong việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan PCTN; nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém: Không có.

2.5 Nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của toàn xã hội trong phòng, chống tham nhũng.

Việc đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân về tác hại của tham nhũng, trách nhiệm của xã hội trong công tác PCTN: Không phát sinh.

Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp trong công tác PCTN: Không phát sinh.

Vai trò của báo chí, truyền thông trong công tác PCTN: Không phát sinh.

Việc bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện hành vi tham nhũng; tôn vinh, khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác PCTN: Không phát sinh.

3. Việc nội luật hóa, thực thi Công ước Liên hợp quốc về Chống tham nhũng (UNCAC) và công tác hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng.

a) Nội luật hóa các quy định để đáp ứng yêu cầu của Công ước

Hoàn thiện chính sách hình sự trong xử lý tham nhũng: Không có.

Về việc ký kết hiệp định, thỏa thuận với các nước, đề xuất điều kiện đáp ứng của Việt Nam để áp dụng phối hợp điều tra chung: Không phát sinh.

Hoàn thiện chuẩn mực kiểm toán Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế: Không phát sinh.

Về chuyên gia người bị kết án, thi hành án, chuyên gia vụ án hình sự; hợp tác thực thi pháp luật và liên kết với các nước điều tra tham nhũng: Không phát sinh.

Hoàn thiện các quy định về giám sát, kiểm tra và thực hiện các quy định về bí mật ngân hàng, tăng cường hoạt động thu thập thông tin tài chính, kiểm soát giao dịch tài chính đáng ngờ, chống rửa tiền: Không phát sinh.

b) Hoạt động hợp tác quốc tế về công tác phòng, chống tham nhũng: Không phát sinh.

4. Đánh giá chung về tình hình tham nhũng và nguyên nhân

Khái quát về tình hình tham nhũng xảy ra tại bộ, ngành, địa phương (thông qua phân tích, đánh giá kết quả phát hiện, xử lý; phản ánh của dư luận, báo chí; kết quả khảo sát, điều tra xã hội học (nếu có): Không có.

Đánh giá nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến tình hình tham nhũng; tác động của các biện pháp PCTN đối với tình hình; sự thay đổi của tình hình tham nhũng so với thời điểm ban hành CLQG; nguyên nhân của những thay đổi: Không có.

5. Đánh giá về việc thực hiện Chiến lược quốc gia và kết quả thực hiện UNCAC

Đánh giá hiệu lực, hiệu quả của việc thực hiện CLQG và UNCAC: Không có.

Đánh giá tổng quát những khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong việc thực hiện CLQG và thực hiện UNCAC; nguyên nhân và bài học kinh nghiệm: Không có.

Đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 về ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; nêu rõ những ngành, lĩnh vực đã ngăn chặn được tham nhũng, đẩy lùi tham nhũng; những ngành, lĩnh vực PCTN chưa có tác dụng, tham nhũng có dấu hiệu gia tăng (nếu có): Không có.

6. Kiến nghị, đề xuất: Không có.

Trên đây là nội dung tổng kết Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện UNCAC. Sở Tài chính báo cáo Thanh tra tỉnh xem xét, tổng hợp.

*Nơi nhận:*

- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TTr.PNHT



**Lê Công Bình**

**PHỤ LỤC**

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CHỦ YẾU  
VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG  
(Từ 01/6/2009-01/6/2020)**

TT	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	KẾT QUẢ
	<b>CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT</b>		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	17
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	—
	<b>TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>		
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	2806
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	65
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	—
	<b>THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG</b>		
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	—
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động	CQ, TC, ĐV	—
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
8	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	50
9	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	12
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	—
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	64
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	58
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	2
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	—
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài	Triệu đồng	3.676



	sản thì quy đổi thành tiền)		
16	Tổng giá trị vi phạm quy định chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	3.676
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	—
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	—
	<b>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</b>		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV	—
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	—
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	30
	<b>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</b>		
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	—
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	—
	<b>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị</b>		
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	—
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	—
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	—
26a	Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác khác do có dấu hiệu tham nhũng	Người	—
26b	Số yêu cầu giải trình đã được giải trình theo quy định về trách nhiệm giải trình	Yêu cầu	—
26c	Tỷ lệ đã thực hiện giải trình so với số yêu cầu giải trình đủ điều kiện để giải trình	%	—
	<b>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</b>		
27	Số cơ quan, tổ chức áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV	1
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	100%
	<b>PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG</b>		
	<b>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</b>		
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua tự kiểm tra nội bộ	Vụ	—
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	—

	<b><i>Qua hoạt động thanh tra</i></b>		
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	—
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Người	—
	<b><i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i></b>		
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	—
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	—
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	—
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	—
	<b><i>Qua công tác kiểm toán</i></b>		
37	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm toán	Vụ	—
38	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác kiểm toán	Người	—
	<b><i>Qua điều tra tội phạm</i></b>		
39	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	—
40	Số vụ bị can tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Người	—
	<b><i>Công tác truy tố tội phạm tham nhũng</i></b>		
41	Số vụ án tham nhũng đã bị truy tố		
42	Số vụ án tham nhũng đã bị đình chỉ, tạm đình chỉ		
43	Số bị can tham nhũng đã bị truy tố		
	<b>XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG</b>		
44	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án, bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	—
45	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án, bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Người	—
	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	—
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	—



	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	—
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	—
46	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	—
47	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	—
48	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	—
49	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	—
	<b>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</b>		
	+ Bằng tiền (Tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	—
	+ Đất đai	m <sup>2</sup>	—
	<b>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</b>		
	+ Bằng tiền (Tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	—
	+ Đất đai	m <sup>2</sup>	—
	<b>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</b>		
	+ Bằng tiền (Tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	—
	+ Đất đai	m <sup>2</sup>	—
	<b>Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng</b>		
50	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	—
51	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó	Người	—
	+ Tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Người	—
	+ Tặng bằng khen của Bộ, ngành, địa phương	Người	—
	+ Tặng giấy khen	Người	—